TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày: 27 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Phương;

Bà Nguyễn Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Công T, sinh ngày 06/9/1968; nơi cư trú: Xóm 6, N, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công X và bà Phạm Thị H; gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 28/4/2020 chuyển tạm giam đến nay; "có mặt".

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm 8, N, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Nguyễn Thị T); gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 05; có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1972; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 28/4/2020 chuyển tạm giam đến nay; "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Công T*: Bà Trần Thị B – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S*: Bà Đặng Thị Anh T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Đỗ Trọng K, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 6, N, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt";

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 6, N, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Công T và Nguyễn Văn S là bạn cùng nghiện ma túy. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/4/2020, S đến nhà T chơi; trong lúc ngồi uống nước T và S rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng chung, T là người bỏ tiền, còn S là người đi mua ma túy. Sau khi thống nhất xong thì S ra về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày T lên phòng ngủ trên tầng 2 nhà mình lấy từ vợ là chị Nguyễn Thị N số tiền 3.500.000đ và nói là có việc cần chi tiêu cá nhân. Sau đó T gọi điện cho S đến nhà mình để lấy tiền đi mua ma túy về sử dụng chung, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18Z5 – 6931 đến nhà T, T đưa cho S số tiền 3.500.000đ và báo S đi đến khu vực cầu V, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định thì liên hệ với người tên D có số điện thoại 0368397379 để mua ma túy. S bảo T đưa thêm cho 20.000đ nữa để đổ xăng, T lên tầng 2 lấy của vợ 20.000đ xuống đưa cho S. S nhận từ T 3.520.000đ rồi điều khiển xe máy đi, trên đường đi S mua hết 20.000đ tiền xăng và liên lạc với người tên D thì người đó hẹn S đến cổng chào thành phố Nam Định sẽ nhận tiền và giao hàng. Đến nơi, S gặp 01 nam thanh niên đeo khẩu trang che mặt tự xưng là D, qua trao đổi S xác định đây là người S đã liên lạc để mua ma túy và mua của người này 3.500.000đ ma túy được 01 gói nhỏ bên ngoài gói ni lông màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, S xác định là Heroine rồi cầm trong lòng bàn tay trái đi xe về. Trên đường về, T gọi điện hỏi S: "Đã về chưa?", S trả lời "Lấy hàng rồi, đang về" (T hiểu S đã mua được ma túy). Khoảng 16 giờ 25 phút cùng ngày, S đi xe vào sân nhà T thì bị Tổ công tác Công an huyện Xuân Trường bắt quả tang, Tổ công tác mời người chứng kiến việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S và thu giữ 01 gói nhỏ S vừa mua trên thành phố Nam Định, niêm phong trong phong bì ký

hiệu M; ngoài ra Tổ công tác còn thu giữ của S 01 xe mô tô biển kiểm soát 18Z5-6931 và 01 điện thoại nhãn hiệu Barapen.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn S, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cùng ngày 19/4/2020, qua đấu tranh khai thác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Công T. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Công T, Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel và 02 mảnh giấy bạc đã qua sử dụng, T khai giấy bạc của Tuyên để sử dụng ma túy.

Kết luận giám định số 431/GĐKTHS ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 túi ni lông được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine, khối lượng mẫu M: 3,449 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Công T và Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình cũng như không có khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Công T và bị cáo Nguyễn Văn S;

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" .

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Công T từ 42 đến 48 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 36 đến 42 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, cho tiêu hủy số Heroine và 02 mảnh giấy bạc; tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại kèm thẻ sim các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tại phiên toà, người bào chữa cho các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S đều nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Phạm Công T, Nguyễn Văn S đều nhận tội và công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng hành vi phạm tội của mình.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo có thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, kết hợp với kết luận giám định về số ma túy thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 19/4/2020, tại nhà Phạm Công T ở xóm 6. N, xã N, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S đã có hành vi cùng rủ nhau mua ma túy về để sử dụng chung, bị cáo Tuyên đưa tiền cho bị cáo S đi mua 3,449 gam Heroine, khi bị cáo S mua Heroine về đến nhà Tuyên thì bị bắt giữ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về các chất gây nghiện, tiếp tay cho tệ nạn mua bán, sử dụng trái phép chất ma tuý, một hiểm hoạ lớn cho toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm như: trộm cắp tài sản, cướp tài sản,... làm tan vỡ hạnh phúc bao gia đình. Các bị cáo là người nghiện ma túy, đã thấu hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình rủ rê nhau mua ma túy để cùng sử dụng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo

theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo cùng rủ nhau mua ma túy về cùng sử dụng. Bị cáo Tuyên bỏ tiền và liên hệ địa điểm để bị cáo S đi mua ma túy nên có vai trò đầu trong vụ án; bị cáo S sau khi nhận tiền từ bị cáo Tuyên đã liên hệ theo sự hướng dẫn của bị cáo Tuyên để tìm mua ma túy nên giữ vai trò sau.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có bố đẻ là người có công với Cách mạng nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng trừng trị, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cũng như đấu tranh chống tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng thu giữ:

Số Heroine đã thu giữ là vật nhà nước cấm lưu hành và 02 mảnh giấy bạc Tuyên đã dùng để sử dụng ma túy trước đó nên cần tịch thu tiêu hủy; 02 chiếc điện thoại đã thu giữ các bị cáo dùng để liên lạc, trao đổi khi mua ma túy nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 18Z5 – 6938 đã thu giữ của bị cáo S, bị cáo khai đây là tài sản chung của vợ chồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên tách ra để xử lý sau là phù hợp.

[9] Đối với nam thanh niên tên D sử dụng số thuê bao 0368397379 đã bán ma túy cho bị cáo S: Cả hai bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh chủ số thuê bao trên nhưng chưa có kết quả nên đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị N đưa tiền cho Tuyên nhưng không biết Tuyên dùng tiền để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Phạm Công T, Nguyễn Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S;

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý";

+ Xử phạt bị cáo Phạm Công T 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 36 (ba mươi S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2020.

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số Heroine trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 431/GĐKTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và 02 mảnh giấy bạc; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại kèm thẻ sim.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 45/THA ngày 21/8/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; buộc các bị cáo Phạm Công T và Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Công T, Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Văn Thung